

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

VỊ TỪ TƯ THỂ “NGỒI” TRONG TIẾNG VIỆT NHÌN TỪ BA BÌNH DIỆN: KẾT HỌC, NGHĨA HỌC VÀ DỤNG HỌC TRIỆU THU DUYÊN*

TÓM TẮT: Bài viết tập trung tìm hiểu về vị từ tư thể “ngồi” đặt trong hệ thống nhóm từ chỉ tư thế để nghiên cứu trên ba bình diện: kết học, nghĩa học và dụng học. Theo hướng này, kết quả nghiên cứu của bài viết nhằm đưa ra một cái nhìn khái quát và toàn diện hơn về từ “ngồi”, góp phần vào nghiên cứu nhóm từ chỉ tư thế nói chung.

TỪ KHÓA: vị từ tư thể *ngồi*; từ *ngồi* trong tiếng Việt; kết học; nghĩa học; dụng học.

NHẬN BÀI: 16/01/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 14/03/2023

1. Đặt vấn đề

Có thể nói, cho đến nay, ngữ pháp chức năng đã khẳng định được ưu thế trong nghiên cứu ngôn ngữ học hiện đại. Từ góc độ ngữ pháp chức năng khi nghiên cứu ngôn ngữ trên cả ba bình diện kết học, nghĩa học và dụng học, tác giả nhận thấy rằng, nhóm vị từ tư thể chủ yếu được miêu tả từ một bình diện ngữ pháp mà chưa phải là những nghiên cứu toàn diện trên cả ba bình diện: ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng. Rất nhiều những vấn đề thú vị nằm trong bình diện nghĩa học (như cấu trúc vị từ - tham thể của vị từ tư thể) hoặc bình diện dụng học (như hành động thiết lập tư thế trong không gian, tiền giả định của câu chứa vị từ tư thể,...) chưa được đề cập đến.

Ngoài ra, trong nhóm từ chỉ tư thế (*đứng, ngồi, nằm, quỳ*), bên cạnh từ *đứng* là một từ đại diện tiêu biểu thì từ *ngồi* cũng mang những điểm đặc điểm riêng biệt, cấu thành nên sự đặc trưng và đa dạng cho nhóm từ tư thể nói chung. Từ việc nghiên cứu và khảo sát từ *ngồi*, chúng ta có một cái nhìn khái quát và toàn diện hơn về nhóm từ chỉ tư thế trong tiếng Việt.

2. Nội dung

2.1. Bình diện ngữ pháp của vị từ tư thể “ngồi”

1) Theo ngữ liệu khảo sát, vị từ “ngồi” chỉ xuất hiện với vai trò là động từ. Theo Từ điển tiếng Việt (Hoàng Phê chủ biên, 2002) từ *ngồi* có các nghĩa cơ bản là:

1/ Ở tư thế “đặt dít trên mặt nền hoặc chân gấp lại để đỡ toàn thân”, và tư thế này “phân biệt với đứng và nằm”. Ví dụ: *Ngồi xuống cho đỡ mỏi chân. Hết nằm lại ngồi. Ngồi xồm.*

2/ Ở vào một vị trí nào đó trong thời gian tương đối lâu để làm việc gì. Ví dụ: *Học kém phải ngồi lại lớp.*

Nghĩa (1) chỉ tư thế tĩnh của con người. Đây là nghĩa đặc trưng để phân biệt *ngồi* với các tư thế khác (*đứng, nằm, quỳ*). Nghĩa (2) chỉ vị trí, không mang ý nghĩa chỉ tư thế của con người, do vậy, bài viết tập trung nghiên cứu nghĩa (1).

Nhóm vị từ tư thể nói chung là vị từ có nét nghĩa khái như sau: vị từ tư thể [tư thể] [ở trạng thái tĩnh] [gắn với mặt phẳng]. Trong đó, các vị từ tư thể “ngồi” có các nét nghĩa cơ bản sau: **Ngồi**: [tư thể], [trạng thái tĩnh], [gắn với mặt phẳng], [thân vuông góc], [đặt mông trên nền], [chân gấp lại để đỡ toàn thân], [phân biệt với *đứng* và *nằm*].

2) Vị từ tư thể có khả năng làm trung tâm trong một cụm động từ. Phần phụ trước là các phó từ và phần phụ sau có thể là danh từ, động từ, tính từ hoặc phụ từ.

Vị từ tư thể cũng có thể không đóng vai trò thành tố trung tâm trong một cụm động từ mà đóng vai trò thành tố phụ. Trong trường hợp này, phía trước nó có thể là một động từ (ví dụ: *toan đứng, định ngồi, dám nằm,...*) hoặc tính từ (ví dụ: *lặng lẽ ngồi, nhanh nhẹn đứng lên, vội vàng nằm xuống...*).

Vị từ tư thể có thể kết hợp với nhiều tính từ ở cả phía trước và phía sau để tạo thành một kết hợp

* Trường Đại học Hà Nội; Email: duyentt@hanu.edu.vn

hoàn chỉnh. Chẳng hạn:

- Nàng thần thờ **ngồi** lặng hàng giờ, mắt khô vì nàng đã khóc quá nhiều. (4; tr.84)

Trong ví dụ này, tính từ phía trước chỉ tính chất thần thờ, kết hợp với tính từ lặng chỉ trạng thái ở sau. Kết hợp này làm nổi bật một tư thế tĩnh tại của chủ thể, không có sự vận động, di chuyển trong thời gian dài. Ngoài ra, trong các kết hợp khác như chậm chạp **đứng** dậy, ung dung **ngồi**, vội vàng **quỳ** xuống, lặng lặng **ngồi** suy nghĩ....thì các động từ chỉ tư thế vẫn giữ vai trò là bổ ngữ cho các tính từ.

Vận dụng vào khảo sát từ **ngồi**:

a. Phần phụ trước

Trước hết, vị từ “ngồi” có khả năng kết hợp với phó từ chỉ thời gian.

Tư thế của con người luôn được đặt trong mối quan hệ với không gian và thời gian. Khảo sát cho thấy các vị từ tư thế cũng được chia cắt theo trục thời gian: quá khứ, hiện tại, tương lai khi chúng kết hợp được với các phó từ chỉ thời gian (đã, đang, sẽ, từng, sắp, vừa, mới,...). Ví dụ:

- Con cóc đang **ngồi** chồm chồm trước mặt tôi giống như mọi con cóc tôi từng nhìn thấy. (1; tr.23)

Ở ví dụ trên, kết hợp đang **ngồi** chỉ tư thế được diễn ra ở ngay thời điểm nói. Các kết hợp của vị từ tư thế “ngồi” với phó từ đang chỉ thời gian hiện tại.

Thứ hai, vị từ “ngồi” có khả năng kết hợp với phó từ chỉ sự tiếp diễn đồng nhất (như cũng, còn, cứ, lại, vẫn, đều). Ví dụ:

Xong, ông lại **ngồi** nghĩ ngợi. (4; tr.123)

Quan sát ví dụ trên, từ chỉ sự tiếp diễn đồng nhất kết hợp với từ chỉ tư thế biểu đạt sự tiếp diễn của tư thế được duy trì trong một khoảng thời gian và không gian nhất định. Kết hợp, lại **ngồi** là tư thế được duy trì trong thời điểm nói. Chúng tôi chú ý hơn đến kết hợp của từ lại **ngồi**:

vẫn + ngồi

⇒ Tiếp tục duy trì tư thế ngồi

lại + ngồi

⇒ Sự lặp lại của tư thế

Vẫn **ngồi** là cả một quá trình kéo dài, không có sự thay đổi tư thế, nhưng lại **ngồi** gợi một tư thế có sự tiếp diễn một cách lặp lại, tư thế này không được duy trì liên tục. (Tức là trước đó chủ thể có thể thực hiện một hành động nào đó cắt ngang, xem giữa hai tư thế **ngồi**).

Thứ ba, vị từ “ngồi” có khả năng kết hợp với phó từ chỉ mệnh lệnh. Thực tế và khảo sát cho thấy, các từ chỉ tư thế kết hợp được với các phó từ chỉ mệnh lệnh, bởi vì đây vốn là đặc trưng kết hợp của động từ.

Phụ từ hãy kết hợp với các vị từ tư thế biểu thị một sự yêu cầu, một lời mời. Chẳng hạn, trong ví dụ như “Hãy **ngồi** xuống đây!” đưa ra một yêu cầu chủ thể tiếp nhận câu nói thực hiện hành động di chuyển tư thế, từ tư thế đứng sang tư thế **ngồi**.

Phụ từ đừng/ chớ kết hợp với từ chỉ tư thế, biểu thị một lời khuyên, chẳng hạn:

- Anh đừng **ngồi** đó làm gì. Ngồi đây cho mát! (Khẩu ngữ)

Trong sự kết hợp này, các phụ từ mệnh lệnh luôn đòi hỏi vị từ có sự can thiệp hay tác động của chủ thể là con người. Bản thân các vị từ tư thế luôn có tính chủ ý. Do đó, chúng hoàn toàn có thể kết hợp được với nhau.

Ngoài các sự kết hợp chủ yếu trên, ở phần phụ trước, từ “ngồi” còn kết hợp với nhóm từ chỉ tần số, nhóm phụ từ chỉ sự khẳng định/ phủ định, phó từ chỉ sự tự lực, phó từ chỉ sự phối hợp hay chỉ cách thức.

+ Kết hợp với nhóm phó từ chỉ tần số (thường, hay, năng, ít, hiếm, luôn), tạo thành tổ hợp từ . Ví dụ:

- Nó hay **ngồi** chỗ gần cửa sổ.

- Em ấy ít khí **ngồi** cuối vì say xe.

Trong câu trên, phó từ chỉ tần số hay, ít khí kết hợp với tư thế **ngồi** để chỉ mức độ thường xuyên thực hiện tư thế của chủ thể tại cùng một vị trí.

+ Kết hợp với nhóm phó từ chỉ sự khẳng định hoặc phủ định (có, không, chưa, chẳng,...), tạo thành các tổ hợp như có **ngồi**, chưa **ngồi**, không **ngồi**,... Ví dụ:

- Nó có ngồi trong lớp học tiếng Anh sáng nay mà!

Ở ví dụ này, cụm từ *có ngồi* khẳng định sự tồn tại tư thế của chủ thể. So sánh câu *Nó ngồi trong lớp học tiếng Anh sáng nay mà!* (1) và *Nó có ngồi trong lớp học tiếng Anh sáng nay mà* (2). Ở câu (2) biểu thị sự nhấn mạnh, khẳng định chắc chắn hơn sự tồn tại tư thế của nó so với câu (1).

Khi kết hợp với các từ chỉ tư thế, các từ phủ định *không, chưa, chẳng* có thể kết hợp trực tiếp với từ chỉ tư thế. Trường hợp kết hợp vị từ tư thế với từ *không* chỉ sự phủ định hoàn toàn của tư thế: - *Mẹ tôi về nhà, gần như phát điên khi biết chuyện Tường treo cây bị ngã và bây giờ nằm liệt không ngồi dậy được.* (1; tr.34).

+ Kết hợp với phó từ chỉ sự tự lực. Ví dụ:

- Đến giờ, nó tự ngồi vào bàn học, không cần ai nhắc nhở.

Phó từ *tự* biểu hiện rõ tư thế, trạng thái do chính chủ thể tạo nên (*nó tự ngồi*). Vị từ tư thế mang bản chất [+ chủ ý], vì vậy hoàn toàn có thể kết hợp với phó từ chỉ sự tự lực.

+ Kết hợp với phó từ chỉ sự phối hợp hay phó từ chỉ cách thức ở phần phụ trước. Ví dụ:

- Chúng tôi cùng ngồi lại với nhau để nói chuyện. (Khẩu ngữ) - *cùng*: phó từ chỉ sự phối hợp.

- Nghe mẹ mắng, nó liền ngồi im. (1; tr.20) - *liền*: Phó từ cách thức, bổ sung ý nghĩa chỉ tính chất “ngay lập tức” cho tư thế của chủ thể.

Trong các nhóm phó từ, chỉ có nhóm phó từ chỉ mức độ (*rất, hơi, khá*) là không kết hợp được với vị từ tư thế. Từ “ngồi” cũng không ngoại lệ. Các kết hợp: *rất ngồi, hơi ngồi, khá ngồi,...* không tồn tại. Có thể lí giải như sau: nhóm từ chỉ mức độ thường kết hợp với các từ chỉ tính chất, trạng thái. Nhóm phó từ này đòi hỏi vị từ phải có sự phân chia thang độ, có sự đánh giá chủ quan của chủ thể. Bản thân các vị từ tư thế không có yếu tố này. Vì vậy, nhóm vị từ tư thế có thể kết hợp với hầu hết các phó từ (phó từ chỉ thời gian, phó từ chỉ sự tiếp diễn đồng nhất, phó từ mệnh lệnh, phó từ chỉ tần số, phó từ chỉ sự khẳng định/phủ định, phó từ tự lực, phối hợp hay cách thức) ngoại trừ nhóm phó từ chỉ mức độ.

b. Phần phụ sau

Ở phần phụ sau, khả năng kết hợp của từ “ngồi” khá đa dạng và linh hoạt, có khả năng kết hợp với cả thực từ và hư từ.

(i) Khả năng kết hợp với danh từ

Xét ví dụ sau:

- Ngồi nhà./ Ngồi trong nhà.

Từ “ngồi” thường không kết hợp trực tiếp với danh từ mà thường có sự kết nối bởi các quan hệ từ. Các quan hệ từ này vốn do danh từ chỉ vị trí không gian (*trên, dưới, trong, ngoài, trước, sau*) chuyển loại làm thời thành quan hệ từ. Ví dụ: *ngồi ngoài sân, ngồi trên ghế, ngồi giữa hội trường...*

a) Khi kết hợp, để xác định vị trí, con người luôn lấy chính bản thân làm điểm mốc để xác định vị trí. Theo sau các kết hợp của vị từ tư thế và giới từ luôn yêu cầu sự xuất hiện của không gian sự vật, để trả lời cho câu hỏi *ngồi ở đâu?* Ví dụ:

- Chiều nào, hai chị em cũng bắc ghế ra ngồi trên thảm cỏ trước thềm nhà xem sách hay nói chuyện để đợi cơn gió mát ngoài đồng đưa vào. (4; tr.7)

- Thằng Tường vẫn ngồi dưới đất. (1; tr.54)

- Cơm xong, chúng tôi bắc ghế ngồi trong vườn. (4; tr.75)

- Buổi sáng, ăn điểm tâm xong, hai vợ chồng Tâm bắc ghế ngồi ngoài hiên hưởng gió mát. (4; tr. 243)

Trong các kết hợp trên, *trên thảm cỏ* và *dưới đất* vốn là thành phần bổ ngữ cho tư thế ngồi. Xét kết hợp “*ngồi trên thảm cỏ*”, từ *trên* trở thành quan hệ từ nối động từ *ngồi* với danh từ *thảm cỏ*. Tương tự, trường hợp “*ngồi dưới đất*”, *dưới* trở thành quan hệ từ chỉ không gian vị trí của tư thế, đóng vai trò kết nối động từ trung tâm và danh từ. Ở ví dụ “*ngồi trong vườn*” và “*ngồi ngoài hiên*”, vị trí của các tư thế ngồi được xác định trong vườn, ngoài hiên. Khi đó *trong, ngoài* trở thành các quan hệ từ nối kết. Căn cứ vào vị trí quan sát tương đối của người của người nói, vị trí trong hay ngoài, trên hay dưới được xác định. Ví dụ, “*ngồi trong vườn*” nghĩa là người nói đang ở bên ngoài

vườn, “*ngồi ngoài hiên*” nghĩa là điểm nhìn của người nói ở trong nhà. Căn cứ này được xác định một cách tương đối thông qua điểm nhìn của chủ thể.

b) Vị từ “ngồi” kết hợp với các từ chỉ vị trí *giữa, cạnh, bên*. Ví dụ:

- Tôi **ngồi giữa** đám trẻ con, lắng nghe bà kể chuyện. (5, tr.20)
- Không còn gì thú hơn là được **ngồi bên** lò sưởi mà nghĩ những chuyện vãn vơ. (5, tr.24)
- Buổi phiên chợ Bàng, Liên **ngồi cạnh** nàng nhí nhánh khoe chiếc áo mới. (5, tr.56)

Các vị trí trong không gian *giữa, cạnh, bên* đều cần có ít nhất một căn cứ để xác định vị trí. Ở các ví dụ trên, vị trí của chủ thể là căn cứ để xác định vị trí đứng của các đối tượng khác trong không gian.

(ii) Khả năng kết hợp với động từ

Về lí thuyết, khi hai động từ đi liền nhau (ví dụ: *ngồi đợi, ngồi nói chuyện, ngồi xem biểu diễn, ngồi tĩnh tâm, ngồi rung đùi, ...*) có hai quan niệm khi xác định thành tố trung tâm trong cụm động từ.

Quan điểm (1), coi động từ đứng trước là trung tâm. Ví dụ:

- Cả nhà **ngồi ăn** trừ cô Lan khó ở từ mấy hôm trước. (4; tr.230)
- Tuấn và Mai **ngồi chờ** trên bục đá. (2; tr.83)

Theo quan niệm này, vị từ tư thế là trung tâm, các động từ phía sau trở thành bổ ngữ. Trong ví dụ trên, động từ *ăn, chờ* trở thành bổ ngữ chỉ trạng thái của tư thế *ngồi*.

Quan điểm (2), coi cả hai động từ là trung tâm. Ví dụ:

- Anh ta **ngồi xem** ti vi mãi không biết chán.
- Đòi ta có khi tựa lá cỏ./**Ngồi hát ca** rất tự do. (Trịnh Công Sơn, *Đêm thấy ta là thác đổ*)
- Tôi nhận ra một người đã đứng tuổi, gầy còm và hốc hác, **ngồi co ro** trên cái bục đất sát vách.

(6; tr.79)

Ở trường hợp này, các động từ tư thế kết hợp với các động từ chỉ hoạt động phía sau như *xem, hát ca, co ro*. Kết hợp này cho thấy sự song hành của tư thế và hành động của chủ thể trong một không gian và thời gian nhất định.

Ngoài ra, trong quá trình khảo sát, các kết hợp của **đứng** và **ngồi** xuất hiện tương đối nhiều (18 trường hợp). Đây là các kết hợp trong nội bộ nhóm vị từ tư thế. Chẳng hạn:

- Mảnh trăng đã gác non đôi,
- Một mình luống những **đứng ngồi** chưa xong. (Truyện Kiều)
- Thân **đứng ngồi** không yên, và luôn luôn ra tựa cửa trông về phía cánh đồng. (2; tr.216)
- Tôi **đứng lên ngồi xuống** như một cái máy. (4; tr.200)

Các kết hợp của **đứng** và **ngồi** không đơn thuần chỉ các tư thế tĩnh trong không gian. Hai động từ chỉ tư thế kết hợp với nhau lại tạo nên một hành động (tĩnh + tĩnh => động). Đây là sự thay đổi mang chiều hướng trái ngược nhau. Căn cứ vào vị trí kết hợp, các từ chỉ tư thế ở trước và động từ chỉ hành động ở phía sau. Như vậy, trật tự sắp xếp của tư thế và hành động trong câu miêu tả hay phát ngôn cũng được xác định. Nghĩa là, trật tự thiết lập trong câu thường là tư thế trước và hành động sau. Ví dụ:

- Chúng tôi **ngồi xung quanh bàn và nói chuyện**. (+)/

Chúng tôi **nói chuyện và ngồi xung quanh bàn**. (-)

Có thể lí giải trật tự này như sau: con người là chủ thể quyết định việc hình thành các tư thế, vì vậy, mỗi tư thế của chủ thể được hình thành đều có mục đích. Ví dụ: *ngồi (để) học, đứng (để) nói chuyện, nằm (để) ngủ, quỳ (để) cầu nguyện, ...* Tư thế được coi như là “bước đệm” để thực hiện các hành động. Chính vì vậy, theo đúng trật tự logic, tư thế của chủ thể được sắp xếp trước, sau đó đến các hành động và mục đích của chủ thể.

(iii) Khả năng kết hợp với tính từ:

Vị từ tư thế “ngồi” kết hợp được với các tính từ (*yên, yên tĩnh, lặng, thân, thờ, thờ, thờ, rải rác, thông thả, ...*). Xét các ví dụ sau:

- Nàng thần thờ **ngồi lặng** hàng giờ. (4; tr.84)
- Tất cả độ hơn chục người **ngồi rải rác** cùng hàng với tôi. (4; tr.173)

- Nhóm học sinh **ngồi túm tụm** một chỗ nói cười vui vẻ. (Khẩu ngữ)

Các từ *lặng, rải rác, túm tụm* trong các ví dụ trên miêu tả cách thức của tư thế *ngồi*. Trong các ví dụ, *ngồi lặng* chỉ tư thế ngồi không có sự chuyển động, ở trạng thái tĩnh tại; *ngồi rải rác* miêu tả cách thức ngồi phân tán, không tập trung; ngược lại, *ngồi túm tụm* gợi tả trạng thái ngồi xúm lại nhau ở khoảng cách gần, không gian hẹp. Như vậy, các kết hợp ở phần phụ sau của từ *ngồi* với tính từ thường miêu tả cách thức, trạng thái của tư thế trong không gian.

Ngoài thực từ, vị từ tư thế “ngồi” còn có khả năng kết hợp với phó từ: Phó từ chỉ mệnh lệnh (đi, thôi, nào,...): *Ngồi đi!*; *Ngồi thôi*, ...; Phó từ chỉ cách thức (ngay, liền, luôn mãi, hoài,...): *ngồi ngay, ngồi mãi*, ...; Từ chỉ hướng vận động (lên, xuống,...): *ngồi lên, ngồi xuống, ngồi dậy*, ...

Như vậy, từ “ngồi” có khả năng kết hợp đa dạng với cả thực từ và hư từ ở phần phụ sau.

2.1.3. Về chức vụ cú pháp

Vốn là động từ độc lập, có thể được dùng một mình trong một chức năng cú pháp của câu, từ “ngồi” có khả năng đảm nhiệm vai trò là vị ngữ trong câu. Đây cũng là chức vụ cú pháp quan trọng mà từ có thể đảm nhiệm.

Tương tự như vị từ tư thế *đứng*, vị từ *ngồi* có cũng khả năng đảm nhiệm vai trò là vị ngữ trực tiếp trong câu. Chẳng hạn:

- Tôi // **ngồi** gần bên cửa sổ trông ra sân. (4; tr.227)

C

V

- Bà Hàn với mẹ tôi // **ngồi** uống nước, còn tôi // **ngồi** đọc sách. (2; tr.54)

C1

V1

C2

V2

- Con cóc // đang **ngồi** chồm hồm trước mặt tôi. (1; tr.22)

C

V

Như vậy, chủ ngữ thường là người hoặc động vật. Đây là những chủ thể có khả năng thực hiện các hành động mang tính chủ ý.

Bên cạnh vai trò vị ngữ, động từ “ngồi” còn có khả năng đảm nhận vai trò của các thành phần khác trong câu, đó là làm **vị ngữ phụ** - bổ sung ý nghĩa cho sự kiện diễn ra ở nòng cốt câu. Xét các ví dụ cụ thể sau:

- Ngồi gần Hậu, một cảm giác khó tả // xuất hiện trong lòng cô. (2; tr.153)

VNP

C

V

Trong ví dụ trên, vị ngữ phụ *ngồi gần Hậu* có vai trò bổ sung ý nghĩa thông tin vị trí cho nòng cốt câu. Vị ngữ phụ có cấu tạo là một cụm động từ. *Ngồi* là động từ trung tâm chỉ tư thế, kết hợp với bổ ngữ chỉ đối tượng.

- Vừa **ngồi xuống một lát**, chúng tôi // đã rất ngạc nhiên. (4; tr.178)

VNP

C

V

Trong câu trên, vị ngữ phụ *vừa ngồi xuống một lát* bổ sung ý nghĩa trạng thái, tư thế của các chủ thể *chúng tôi*. Vị ngữ phụ này có khả năng tạo thành một câu hoàn chỉnh khi kết hợp với chủ ngữ. Ví dụ: *Chúng tôi vừa ngồi xuống một lát*.

Như vậy, bên cạnh vai trò là vị ngữ trực tiếp, từ “ngồi” có khả năng đảm nhiệm vai trò của vị ngữ phụ bổ sung ý nghĩa về trạng thái, tình huống cho sự kiện diễn ra ở nòng cốt của câu. Vị ngữ phụ này có cấu tạo là một cụm động từ, do động từ tư thế làm trung tâm.

Với vai trò là bổ ngữ của từ, các từ chỉ tư thế thường bổ sung ý nghĩa cho các động từ như định, toan, muốn,... Ví dụ:

- Bình toan **ngồi** lại, như mọi khi, nhưng về sau, không hiểu tại sao, chàng bước đi hẳn.

(4; tr.30)

Trong ví dụ này, *Bình toan ngồi lại* là một kết cấu chủ vị. *Bình* là chủ ngữ, vị ngữ là sự kết hợp với động từ *toan* chỉ ý định, trường hợp này tư thế *ngồi* trở thành bổ ngữ của động từ. Tư thế này chỉ tồn tại trong suy nghĩ của chủ thể, chưa được hiện thực hóa.

Với các chức vụ cú pháp nêu trên, vị từ tư thế “ngồi” có khả năng xuất hiện trong kiểu câu bình thường và câu tỉnh lược.

Câu bình thường:

- *Anh ấy // **ngồi** một mình trong quán cà phê.* (Khẩu ngữ)



Câu tỉnh lược:

- *Buổi chiều **ngồi** ngắm những chuyển mưa qua.* (câu tỉnh lược thành phần chủ ngữ).

(Trịnh Công Sơn, *Diễm xưa*)

- *Cây em, em có chịu lời,*

***Ngồi** lên cho chị lấy rồi sẽ thưa!* (Truyện Kiều) (Câu tỉnh lược thành phần chủ ngữ)

2.2. Bình diện ngữ nghĩa của vị từ tư thế “ngồi”

2.2.1 Vị từ tư thế “ngồi” với tư cách vị từ trung tâm

Khi từ *ngồi* mang bản chất từ loại là động từ, nó có thể tham gia vào cấu trúc nghĩa sự tình (hay nghĩa miêu tả) của câu: cấu trúc vị từ - tham thể. Trong cấu trúc này, từ *ngồi* tham gia với tư cách là vị từ trung tâm. Ngoài ra có sự tham gia của tham thể bắt buộc và tham thể mở rộng.

Các vị từ tư thế nói chung và từ “ngồi” nói riêng là hạt nhân trong cấu trúc ngữ nghĩa của câu, phản ánh sự việc có đặc điểm nổi bật là miêu tả trạng thái tĩnh tại của người, vật trong một không gian cụ thể. Xét ví dụ: *Liên **ngồi** yên lặng bên mấy quả thuốc sơn đen.* (4; tr.114).

Ví dụ trên được phân tích như sau:

TTBB	Vị từ trung tâm	TTMR1	TTMR2
Thế mang tư thế	Vị từ tư thế	Thế trạng thái	Thế vị trí
<i>Liên</i>	<i>ngồi</i>	<i>yên lặng</i>	<i>bên mấy quả thuốc sơn đen</i>

(TTBB: tham thể bắt buộc; TTMR: tham thể mở rộng)

Căn cứ vào cấu trúc nghĩa, đây là sự tình tư thế tĩnh và có chủ ý. Trong kết cấu này, từ *ngồi* là vị từ trung tâm. Xoay quanh vị từ trung tâm này có một tham thể bắt buộc là *Liên* (*chủ thể*) và hai tham thể mở rộng chỉ trạng thái (*yên lặng*) và chỉ vị trí (*bên mấy quả thuốc sơn đen*). Từ *ngồi* chỉ cần sự tồn tại của tham thể bắt buộc là chủ thể *Liên*, khi đó, câu vẫn diễn tả được một ý trọn vẹn: *Liên ngồi*. Sự xuất hiện của các tham thể mở rộng nhằm bổ sung ý nghĩa cho tư thế được cụ thể hơn, được xác định rõ trong không gian. Trong cấu trúc nghĩa sự vật của một sự tình tư thế luôn có vị từ tư thế làm trung tâm và một tham thể bắt buộc, có thể có một hay nhiều tham thể mở rộng tùy thuộc vào yêu cầu, sự đòi hỏi của việc truyền đạt thông tin trong giao tiếp.

Như đã biết, sự tình tư thế miêu tả trạng thái tĩnh tại của con người hay động vật trong không gian cụ thể. Do vậy, trong cấu trúc vị từ tham thể (với hạt nhân là những vị từ tư thế) luôn có sự tồn tại của tham thể không gian định vị vị trí tồn tại của sự tình tư thế. Tham thể này xuất hiện với tư cách là tham thể nêu lên hoàn cảnh, không gian diễn ra sự việc mang đặc trưng tư thế. Ví dụ:

- *Tôi **ngồi** gần bên cửa sổ trông ra sân.* (4; tr.35)

(không gian-vị trí)

Bên cạnh đó, các sự tình tư thế cũng miêu tả trạng thái tĩnh tại của người và vật ở khoảng thời gian cụ thể nào đó. Vì vậy, trong cấu trúc nghĩa của vị từ tư thế “ngồi” có sự tham gia của tham thể thời gian. Ví dụ:

- *Chiều chiều, tôi **ngồi** trong nhà ngó ra, thấy mây tụ lại từng bầy.* (1; tr.46)

Ngoài ra, đặt trong mối quan hệ của từ “ngồi” với hành động thiết lập thiết lập tư thế, chúng tôi tiếp tục nghiên cứu về cấu trúc nghĩa.

- *Con **ngồi** xuống đây ăn cơm.* (2; tr.48)

Đây là cấu trúc ngữ nghĩa của các tổ hợp từ được dùng để biểu thị các hành động tự thiết lập tư thế. Trong cấu trúc ngữ nghĩa có chứa hai nghĩa tổ cơ bản, đó là *vận động* và *tư thế* (như là kết quả cuối cùng của vận động). Nghĩa tổ *tư thế* được hàm chứa trong cấu trúc ngữ nghĩa của động từ chỉ tư thế (*ngồi*). Nghĩa tổ *vận động* được hàm chứa trong cấu trúc ngữ nghĩa của các động từ vận động chỉ hướng (*xuống*) và cũng chính nghĩa tổ này đã làm cho các động từ chỉ tư thế, vốn dùng để biểu thị trạng thái, chuyển sang biểu thị hành động.

Như vậy, động từ *ngồi* và các động từ chỉ tư thế khác như *đứng*, *nằm*, *quỳ* được hiểu là hành động tự thiết lập tư thế khi, và chỉ khi, chúng được bổ sung thêm nghĩa tổ *vận động* (hay còn gọi là

nét nghĩa *động* để đối lập với nét nghĩa *tĩnh*). Vì vậy, để có nét nghĩa *động* các động từ tư thế phải kết hợp với các động từ vận động chỉ hướng. Kết quả là có tổ hợp từ bao gồm các động từ chỉ tư thế kết hợp với các động từ vận động chỉ hướng mà cấu trúc ngữ nghĩa của từng tổ hợp bao giờ cũng hàm chứa đầy đủ cả nghĩa *tư thế* lẫn nghĩa *tư vận động*.

2.2.2 Vị từ tư thế “ngồi” với tư cách tham thể

Bên cạnh vai trò chủ đạo như đã nêu ở trên, vị từ tư thế “ngồi” còn có thể đóng vai trò là tham thể trong cấu trúc nghĩa. Trong cấu trúc nghĩa vị từ - tham thể, từ “ngồi” có thể đảm nhiệm vai trò là tham thể mở rộng. Ví dụ:

- *Bình kéo tôi ngồi xuống cùng nói chuyện với mọi người.* (4; tr.121)

<i>Bình</i>	<i>kéo</i>	<i>tôi</i>	<i>ngồi xuống</i>	<i>cùng nói chuyện với mọi người</i>
TTBB	Vị từ trung tâm	TTBB	TTMR	TTMR
Thể hành động	VT hành động	Thể đối tượng	Thể cách thức	Thể mục đích

Trong câu trên, trung tâm của cấu trúc là vị từ hành động *kéo*. Hai tham thể bắt buộc là tham thể chủ thể hành động (*Bình*) và đối tượng (*tôi*). Hai tham thể mở rộng chỉ cách thức (*ngồi xuống*) và tham thể chỉ mục đích (*cùng nói chuyện với mọi người*). Tương tự, trong câu sau:

- *Tôi định ngồi xuống cho đỡ mỏi chân.* (Khẩu ngữ)

<i>Tôi</i>	<i>định</i>	<i>ngồi xuống</i>	<i>cho đỡ mỏi chân.</i>
TTBB	Vị từ trung tâm	TTMR	TTMR
Thể hành động	VT hành động	Thể cách thức	Thể mục đích

Như vậy, từ “ngồi” chủ yếu đảm nhận vai trò là tham thể mở rộng với vai nghĩa chỉ tư thế, chỉ trạng thái, cách thức.

2.3. Bình diện ngữ dụng của vị từ tư thế “ngồi”

Ở bình diện ngữ dụng, chúng tôi nghiên cứu vị từ “ngồi” ở các phương diện sau:

2.3.1. Từ “ngồi” với việc mở rộng các nội dung ý nghĩa

Xét trong sự kết hợp với các bộ ngữ đi kèm từ với vị từ tư thế, về nguyên tắc, các từ chỉ tư thế là động từ độc lập, do vậy, nó có thể đứng một mình, không cần có bộ ngữ đi kèm. Trong thực tế hiện nay, việc sử dụng từ vị từ tư thế kết hợp với các danh từ, động từ, tính từ làm cho ý nghĩa của từ được mở rộng. Xét ví dụ sau:

- *Hiện tượng **ngồi nhồm lộp** đang trở nên phổ biến.* (dantri.com)

Trong ví dụ trên, kết hợp *ngồi nhồm lộp* không còn chỉ tư thế mà chỉ hiện tượng người học có cấp độ không tương xứng với năng lực. Đây là nghĩa bóng của từ. Như vậy, ý nghĩa của từ đã có sự chuyển hóa và mở rộng.

Trong sự tình tư thế, có các danh từ chỉ sự vật được dùng làm chu cảnh cho cái tư thế đó. Ví dụ như *ngồi ghế*, *ngồi bên cửa sổ*, *ngồi ven đường*,... Các danh từ *ghế*, *cửa sổ*, *đường*,... trở thành chu cảnh cho tư thế *ngồi*. Các danh từ đó trở thành bộ ngữ trực tiếp cho vị từ tư thế, bổ sung ý nghĩa ở đâu?, chỗ nào?, ra sao?... hình thành nên chu cảnh hay “phông nền” cho chính tư thế đó.

2.3.2. Tiền giả định của các câu chứa từ “ngồi”

Trong ngôn ngữ học, tiền giả định (presupposition) là “...một thuật ngữ có tính chất công nghệ, được dùng để chỉ nội dung không cần được nêu ra mà vẫn phải là một phần được tính đến của điều được thông báo, vì không xác định được nó thì thông báo sẽ trở nên vô nghĩa với người nghe”. Hiểu đơn giản hơn, “một tiền giả định là cái mà người nói cho là đúng trước khi thực hiện một phát ngôn.” [2; tr.21]. Tiền giả định có thuộc tính bất biến.

Thông thường, tiền giả định có nét tương đồng với nghĩa mà từ biểu thị. Ví dụ trong câu *Anh ấy đã bỏ thuốc lá*, tiền giả định là *Anh ấy đã từng hút thuốc lá*. Hay trong câu: *Nó bắt đầu học ngoại ngữ* thì tiền giả định là *trước đó nó chưa học ngoại ngữ*.

Trong quá trình khảo sát, khi xem xét đến yếu tố tiền giả định của câu chứa từ chỉ tư thế “ngồi” chúng tôi nhận thấy có sự khác biệt. Ví dụ:

Mẹ nói: - Con **ngồi** xuống đây rồi ăn cơm

Tâm đáp vâng nhưng cô vẫn chưa lại **ngồi** ăn ngay. (4; tr.48)

Xét trường hợp trên, ta có thể suy ra các tiền giả định như sau: **Ngồi** (1) có các tiền giả định: (i) Con đang đứng, (ii) mẹ muốn con thay đổi tư thế,...; **Ngồi** (2) có các tiền giả định: (i) Tâm đang đứng, (ii) Tâm đang làm việc gì đó,... Khi xem xét, chúng tôi nhận thấy một trong những tiền giả định của các câu chứa từ **ngồi** hoàn toàn khác với nghĩa mà từ biểu thị. Các câu được nêu trên đều chứa tiền giả định là chủ thể không phải đang ở trong tư thế **ngồi**. Như vậy, tiền giả định của một từ chỉ tư thế khác với tư thế được vị từ hạt nhân biểu thị.

2.3.3. Tri nhận của con người về tư thế “ngồi”

Về không gian, tư thế con người định vị không gian. Trong đó, tư thế **ngồi** của con người cũng có một vai trò nhất định trong sự tri nhận không gian, tri nhận về sự vật, về con người. Ví dụ:

- *Xin là một con bé xinh xắn. Tôi, nó và thằng Sơn con ông Ba Huấn **ngồi** chung một bàn. Tôi **ngồi** chính giữa, nó **ngồi** bên phải, thằng Sơn **ngồi** bên trái.* (1; tr.97)

Tư thế **ngồi** của nhân vật *tôi* trở thành yếu tố định vị cho những đối tượng khác ở xung quanh *bên phải, bên trái*. Yếu tố ở giữa, ở trung tâm chính là tư thế của con người góp phần định vị cho các yếu tố còn lại.

Người Việt quan niệm rằng thông qua việc quan sát tư thế, cách đi đứng, cách **ngồi**, cách nói năng... có thể đánh giá về con người. Như vậy, tư thế con người trở thành một trong những tiêu chí, một thước đo những giá trị, phẩm chất con người.

Quan niệm này được thể hiện rõ nét trong văn học. Khi khắc họa nhân vật, mỗi tác giả thường đặc tả những chi tiết, hành động, lời nói cụ thể. Trong đó, không thể không kể đến việc đặc tả các chi tiết về tư thế **ngồi** của con người.

Nguyễn Du đặc tả phẩm chất của Mã Giám Sinh - một kẻ buôn người:

*“Ghế trên **ngồi** **tốt** sở sàng”*

Động từ tư thế **ngồi** đi với một từ ngữ chỉ tốc độ **tốt**, gọi tả một tư thế vội vàng, nhanh chóng đến mức khiếm nhã. Có lẽ **ngồi** **tốt** vẫn chưa đủ, tác giả đã kết hợp thêm một tính từ (*sở sàng*) ở phía sau khiến tư thế **ngồi** được cụ thể hơn về tính chất. Một cụm động từ chỉ tư thế “**ngồi** **tốt** **sở sàng**” đã diễn tả được con người của nhân vật Mã Giám Sinh: khiếm nhã, thiếu lịch sự, vô lễ, coi thường bề trên. Chỉ một tư thế, tính cách con người được bộc lộ rõ.

Trong đoạn trích “*Trao duyên*”, Nguyễn Du viết: “*Cậy em, em có chịu lời/ **Ngồi** **lên** cho chị **lạy** rồi sẽ thưa*”. Mở đầu cho chuỗi bi kịch cuộc đời, Thúy Kiều buộc mình trao duyên lại cho Thúy Vân. Hành động của Thúy Kiều dù nhỏ nhưng lại làm nổi bật một nhân cách lớn. Nàng “quỳ **lạy**” Thúy Vân với mong muốn nhờ cậy, cầu xin. Tư thế này không phải sự hạ thấp mình mà cho thấy tấm lòng, sự trân trọng của Thúy Kiều đối với Thúy Vân và đối với việc nàng muốn nhờ cậy.

Quan niệm tư thế biểu hiện tính cách con người còn thể hiện trong suy nghĩ, trong lời ăn tiếng nói hàng ngày. Nhiều người cho rằng thông qua cách **ngồi**, tướng **ngồi** có thể biết một phần nào tính cách, vận mệnh con người. Chẳng hạn như: **Ngồi** thẳng lưng là người có ý chí mạnh mẽ và tự tin, **ngồi** vắt chéo chân biểu lộ tính cách của một người khiếm tốn, khá nhút nhát,...

Ngoài ra, nhắc đến tư thế “**ngồi**” tạo sự liên tưởng đến tư thế nghỉ ngơi, không làm việc, lao động, có phần nhàn nhã, hưởng thụ. Dân gian ta có các cách nói như: ***Ngồi** mát ăn bát vàng* (nhàn nhã, không lao động, hưởng thụ); ***Án** trên **ngồi** **tróc*** (có vị trí, địa vị cao); ***Án** trông nòi, **ngồi** trông hướng* (cách ứng xử phù hợp với hoàn cảnh).

Tựu trung lại, tư thế **ngồi** hay các từ chỉ tư thế trong tiếng Việt không chỉ mang một nét nghĩa đơn thuần chỉ trạng thái tĩnh tại của con người mà còn thể hiện được sự vận động trong quá trình sử dụng. Từ đó, nhóm từ chỉ tư thế được ứng dụng nhiều hơn, trở nên phổ biến hơn.

3. Kết luận

1) Ở bình diện kết học, từ “**ngồi**” có vai trò chủ yếu là động từ. Ở phần phụ trước, vị từ tư thế “**ngồi**” có thể kết hợp với phó từ chỉ thời gian, mệnh lệnh, phó từ chỉ sự tiếp diễn đồng nhất, phó từ

chỉ tần số, chỉ sự khẳng định, phủ định, phó từ chỉ cách thức, không kết hợp với phó từ chỉ mức độ. Ở phần phụ sau, từ “ngồi” có thể kết hợp với danh từ, động từ, tính từ và phó từ (mệnh lệnh, cách thức, từ vận động chỉ hướng). Sự kết hợp của từ ngữ này với các thực từ và các phụ từ khá đa dạng, linh hoạt.

2) Ở bình diện nghĩa học, khi là động từ, từ “ngồi” tham gia vào cấu trúc vị từ tham thể và chủ yếu đảm nhiệm vai trò là vị từ trung tâm. Trong đó, sự tình mà từ “ngồi” biểu hiện là sự tình tư thế (mang tính tĩnh, có chủ ý). Bên cạnh đó, trong cấu trúc này, từ “ngồi” còn đảm nhiệm vai trò là tham thể mở rộng với vai nghĩa chỉ tư thế, chỉ trạng thái, cách thức.

3) Ở bình diện dụng học, sự kết hợp của từ “ngồi” với các bổ ngữ có vai trò quan trọng góp phần mở rộng nội dung ý nghĩa trong câu. Khi xem xét tiền giả định của các câu chứa từ “ngồi”, tiền giả định của tư thế khác với tư thế mà vị từ hạt nhân biểu thị. Bên cạnh đó, tư thế của chủ thể góp phần định vị không gian xung quanh, thông qua tư thế này thể hiện sự tri nhận của người Việt về tính cách con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
2. Diệp Quang Ban (2012), *Giao tiếp diễn ngôn và cấu tạo văn bản*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
3. Nguyễn Thiện Giáp (2009), *Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ*, Nxb Giáo dục, H.
4. Hoàng Phê (chủ biên) (2002), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
5. Trần Kim Phụng (2012), *Các phương pháp phân tích câu (trên ngữ liệu tiếng Việt)*, Nxb Khoa học Xã hội.
6. Trần Kim Phụng (2011), *Từ thôi trong tiếng Việt trên ba bình diện: nghĩa học, kết học và dụng học*, Tạp chí ngôn ngữ số 5, Tr 50-58.
7. Nguyễn Thị Quy (1995), *Vị từ hành động tiếng Việt và các tham tố của nó*, Nxb Khoa học Xã hội.

TU LIỆU KHẢO SÁT

1. Nguyễn Nhật Ánh (2013), *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ* (truyện ngắn), Nxb Trẻ.
2. Nguyễn Nhật Ánh (2015), *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh* (truyện dài), Nxb Trẻ.
3. Nguyễn Du (1965), *Truyện Kiều*, Nxb Văn học.
4. Dương Phong (tuyển chọn) (2012), *Thạch Lam tuyển tập*, Nxb Văn học.

The word “sit” in Vietnamese language from three aspects: syntactics, semantics, and pragmatics

Abstract: This article focuses on the word “sit” in a system of group of words indicating posture in three aspects of syntactics, semantics and pragmatics. The research results aim to acquire a more general and comprehensive view of this word in particular and contribute to studying the group of words indicating posture overall.

Key words: indicating posture “sit”; the word “sit” in Vietnamese; syntactics; semantics; pragmatics.